

2. **Belli E., Salihoğlu E., Leobon B., et al. (2010).** The performance of Hancock porcine-valved Dacron conduit for right ventricular outflow tract reconstruction. *Ann Thorac Surg*, **89**(1), 152–157; discussion 157-158.
3. **Breymann T., Boethig D., Goerg R., et al. (2004).** The Contegra Bovine Valved Jugular Vein Conduit for Pediatric RVOT Reconstruction. *J Card Surg*, **19**(5), 426–431.
4. **Prior N., Alphonso N., Arnold P., et al. (2011).** Bovine jugular vein valved conduit: Up to 10 years follow-up. *J Thorac Cardiovasc Surg*, **141**(4), 983–987.
5. **Morales D.L.S., Braud B.E., Gunter K.S., et al. (2006).** Encouraging results for the Contegra conduit in the problematic right ventricle-to-pulmonary artery connection. *J Thorac Cardiovasc Surg*, **132**(3), 665–671.
6. **Carrel T., Berdat P., Pavlovic M., et al. (2002).** The bovine jugular vein: a totally integrated valved conduit to repair the right ventricular outflow. *J Heart Valve Dis*, **11**(4), 552–556.

## THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THƯỜNG XUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Lê Thúy Hương\*, Hoàng Thị Thu Hiền\*  
Trương Thị Thu Hương\*, Nguyễn Thị Nhung\*, Phạm Thị Thắm\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** 1/Mô tả thực trạng đánh giá điểm thường xuyên tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương từ năm 2016-2019. 2/Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý đánh giá điểm thường xuyên. **Phương pháp:** nghiên cứu mô tả ngang qua khảo sát ý kiến 144 giảng viên giảng dạy các học phần giai đoạn 2016-2019 tại Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương. **Kết quả:** 98.6 % giảng viên đã phổ biến công khai tỷ lệ, hình thức đánh giá điểm thường xuyên trong đề cương chi tiết; Hình thức đánh giá điểm thường xuyên: bài kiểm tra viết 15 phút: 94.4%; Kết quả thảo luận nhóm: 56.9%; Trả lời câu hỏi trên lớp: 34.7%; đánh giá kết quả tự học: 23.6%; Số lần kiểm tra thường xuyên: 1 lần: 40.3%; hai lần trở lên: 59.7%. Cách tính điểm thường xuyên giữa các giảng viên: tính điểm trung bình cộng giữa các lần kiểm tra: 88.9%; chỉ lấy điểm cao nhất: 4.2%; lấy điểm bài kiểm tra cuối cùng: 4.2%; lấy điểm ngẫu nhiên: 2.8%; Giảng viên phổ biến đáp án, thang điểm, chữa bài sau khi kiểm tra: 86.1%; trả bài cho SV sau khi kiểm tra: 70.8%; 90.3 % giảng viên cho rằng: cần thiết ban hành quy định đánh giá điểm thường xuyên.

**Từ khóa:** kiểm tra, đánh giá, điểm thường xuyên, sinh viên, giảng viên, Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

### SUMMARY

#### THE STATUS OF EVALUATING THE REGULAR SCORE AT HAI DUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

**Objectives:** 1/ Describe the status of evaluating the regular score at Hai Duong Medical Technical University from 2016-2019. 2/ Propose some solutions to increasing the efficiency of evaluating and managing the regular score at Hai Duong Medical

Technical University. **Methods:** a descriptive cross-sectional survey to collect opinions of all 144 faculty members of departments directly involved in teaching the courses from 2016 to 2019 at Hai Duong Medical Technical University. **Results:** 98.6% of lecturers have publicly disseminated the rate and form of regular score evaluation in the detailed curriculum; Regular score evaluation form: 15-minute written test: 94.4%; results of group discussion: 56.9%; Answer questions in class: 34.7%; evaluation of self-study results: 23.6%; 41.7% of lecturers disseminated review content (limited questions) before regular testing; The number of regular checking times: 1 time: 40.3%; twice or more: 59.7%. The way to calculate regular scores among lecturers: calculate the average score between tests: 88.9%; take only the highest score: 4.2%; take the final test score: 4.2%; take the random score: 2.8%; Lecturers disseminate answers, grading scales, and correcting papers after the test: 86.1%; return post-testing to students: 70.8%; 90.3% of lecturers think that it is necessary to issue regulations on how to evaluate regular scores.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, đổi mới phương pháp dạy học là một yêu cầu cấp bách có tính chất đột phá để nâng cao chất lượng dạy học. Đổi mới phương pháp dạy học đòi hỏi phải tiến hành một cách đồng bộ đổi mới từ nội dung chương trình giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học [1]. Kiểm tra đánh giá có vai trò rất lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả của kiểm tra đánh giá là cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học và quản lý giáo dục

Một trong những hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là kiểm tra thường xuyên, hình thức đánh giá này được xem là đánh giá quá trình học tập vì sự tiến bộ của người học (đánh giá quá trình) bởi đây là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học nhằm cung cấp thông tin phản hồi cho

\*Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thúy Hương

Email: thuyhuongdhy@gmail.com

Ngày nhận bài: 12.4.2021

Ngày phản biện khoa học: 24.5.2021

Ngày duyệt bài: 14.6.2021

cả thầy và trò nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập. Mục đích của kiểm tra thường xuyên nhằm thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả học tập của người học trong quá trình học để cung cấp những phản hồi cho người học và giảng viên biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu, yêu cầu của bài học, của chương trình và những gì họ chưa làm được để điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Để thực hiện tốt các yêu cầu trong kiểm tra đánh giá đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [2] việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Đặc biệt cần công khai tới người học các quy định về đánh giá kết quả học tập (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan). Để đáp ứng yêu cầu trên cần có quy định chung, thống nhất về đánh giá điểm học phần, trong đó có quy định cụ thể về đánh giá điểm thường xuyên. Bởi nếu không có quy định chung, thống nhất về thời gian, phương pháp, cách tính điểm, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá điểm thường xuyên sẽ dẫn tới sự khác biệt trong đánh giá giữa các giảng viên. Khi có sự khác biệt sẽ khiến cho kết quả đánh giá không đảm bảo công bằng và khách quan. Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả thực trạng quá trình đánh giá điểm thường xuyên tại trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương, xác định những khó khăn, tồn tại, mong muốn của giảng viên và sinh viên trong quá trình đánh giá điểm thường xuyên... từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý quá trình đánh giá điểm thường xuyên.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả ngang qua khảo sát ý kiến 144 giảng viên giảng dạy các học phần giai đoạn 2016-2019 tại Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương

**2. Đối tượng nghiên cứu:** Quá trình đánh giá điểm thường xuyên được thực hiện bởi giảng viên trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương

**3. Bộ công cụ nghiên cứu** và kĩ thuật thu thập số liệu: 01 bộ phiếu khảo sát tự điền

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 1: Đặc điểm đối tượng nghiên cứu**

	n= 144	SL	%
Giới tính	Nam	47	32.6
	Nữ	97	67.4
	Cử nhân	17	11.8

Trình độ	Bác sĩ	26	18.0
	Thạc sĩ	92	63.9
	Tiến sĩ	8	5.6
	PGS	1	0.7

NX: Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: giảng viên nam: 32.6%; giảng viên nữ: 67.4%. giảng viên có trình độ thạc sĩ 63.9%; Tiến sĩ, PGS: 6.3%. Cử nhân: 11.8%.

**2. Thực trạng đánh giá điểm thường xuyên tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương**

**Bảng 2: Công khai thông tin về kiểm tra thường xuyên tới người học**

n= 144	SL	%
Thông tin về kiểm tra thường xuyên được nêu trong đề cương chi tiết môn học	132	91.7
Thông tin về kiểm tra thường xuyên được giảng viên phổ biến công khai tới sinh viên	142	98.6

**Nhận xét:** 98.6% giảng viên đã phổ biến công khai thông tin về kiểm tra thường xuyên tới sinh viên; tuy nhiên còn 8.35 giảng viên có ý kiến cho rằng: thông tin về kiểm tra thường xuyên chưa được nêu trong đề cương chi tiết môn học.

**Bảng 3: Hình thức kiểm tra thường xuyên**

	SL	%
Bài kiểm tra viết 15 phút	136	94.4
Kết quả thảo luận nhóm	82	56.9
Phát biểu ý kiến hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên trên lớp	50	34.7
Đánh giá kết quả tự học	34	23.6
Khác	0	0

**Nhận xét:** có 94.4% giảng viên kiểm tra thường xuyên bằng hình thức: kiểm tra viết 15 phút trên lớp. đánh giá kết quả thảo luận nhóm của sinh viên: 56.9%; Phát biểu ý kiến hoặc trả lời câu hỏi của giảng viên trên lớp: 34.7% đánh giá kết quả tự học của sinh viên: 23.6%

**Bảng 4. Số lần kiểm tra thường xuyên trong một môn học**

n= 144	SL	%
1 lần	58	40.3
2 lần	36	25.0
Nhiều lần	50	34.7

**Nhận xét:** 40.3% giảng viên thực hiện kiểm tra thường xuyên duy nhất 1 lần, 34.7% giảng viên tổ chức kiểm tra thường xuyên nhiều lần trong một môn học.

**Bảng 5. Cách tính điểm thường xuyên**

n= 144	SL	%
Lấy điểm trung bình cộng	128	88.9
Lấy điểm cao nhất	6	4.2
Lấy điểm bài kiểm tra cuối cùng	6	4.2

Lấy điểm ngẫu nhiên	4	2.8
Cách tính khác	0	0

**Nhận xét:** Đa số giảng viên lấy điểm trung bình cộng của các bài kiểm tra thường xuyên (88.9%); 4.2% giảng viên chỉ lấy điểm cao nhất; 4,2% lấy điểm bài kiểm tra cuối cùng; 2.8% giảng viên thực hiện lấy điểm ngẫu nhiên (có bài kiểm tra được lấy điểm, có bài kiểm tra không lấy điểm)

**Bảng 6: Việc phổ biến đáp án- thang điểm, chữa bài và trả bài kiểm tra thường xuyên**

n=144	SL	%
Có phổ biến đáp án, thang điểm, chữa bài kiểm tra	124	86.1
Có trả bài kiểm tra	102	70.8

**Nhận xét:** 86.1% giảng viên thực hiện phổ biến đáp án, thang điểm và chữa bài sau khi kiểm tra; 70.8% Giảng viên trả bài cho sau khi kiểm tra.

**Bảng 7: Đánh giá về mức độ cần thiết của việc ban hành quy định đánh giá điểm thường xuyên**

n=144	SL	%
Rất cần thiết	86	59.7
Cần thiết	44	30.6
Bình thường	8	5.5
Không cần thiết	6	4.2
Không ý kiến	0	0

**Nhận xét:** 90.3% giảng viên cho rằng việc ban hành quy định đánh giá điểm thường xuyên là cần thiết và rất cần thiết.

**Bảng 8: Đề xuất của giảng viên về một số nội dung quy định cho đánh giá điểm thường xuyên**

n=144	SL	%
Quy định rõ số lần đánh giá thường xuyên	110	76.4
Quy định rõ các hình thức đánh giá	96	66.7
Quy định rõ cách thức tính điểm	90	62.5
Quy định rõ thời điểm và thời gian đánh giá điểm	74	51.4
Quy định rõ trách nhiệm của giảng viên trong việc giải quyết khiếu nại và thắc mắc của sinh viên	60	41.7
Quy định rõ thời gian trả bài, chữa bài và thông báo điểm	56	38.9
Đề xuất khác:	0	0

**Nhận xét:** 76.4% giảng viên cho rằng cần quy định rõ số lần đánh giá điểm TX trong một học phần; 66.7% và 62.5% giảng viên cho rằng cần quy định rõ các hình thức đánh giá điểm TX và quy định rõ cách thức tính kiểm tra thường xuyên; 41.7% giảng viên cho rằng cần quy định rõ trách nhiệm của giảng viên trong việc giải quyết khiếu nại và thắc mắc của sinh viên liên

quan tới đánh giá điểm TX;

#### IV. BÀN LUẬN

**1. Thực trạng đánh giá điểm thường xuyên.** Với 91.7%-98.6% giảng viên đã phổ biến công khai tỷ lệ, hình thức đánh giá điểm thường xuyên trong điểm TBC môn học; công khai hình thức, cách đánh giá điểm KT thường xuyên trước lớp và hình thức kiểm tra thường xuyên được nêu trong đề cương chi tiết (Bảng 2). Như vậy cơ bản giảng viên đã thực hiện công khai tỷ lệ, hình thức đánh giá điểm thường xuyên.

Giảng viên đã sử dụng nhiều hình thức đánh giá điểm thường xuyên (Bảng 3), đa số giảng viên sử dụng hình thức kiểm tra viết 10-15 phút trên lớp (94.4%); đánh giá kết quả thảo luận nhóm của sinh viên: 56.9%. Tuy nhiên với tỷ lệ là 23.6% cho thấy, tỷ lệ giảng viên đánh giá kết quả tự học của sinh viên là chưa cao.

40.3% giảng viên thực hiện 1 lần kiểm tra thường xuyên trong một môn học (Bảng 4). Việc tổ chức suy nhất 1 lần sẽ giảm thiểu khối lượng công việc ra đề kiểm tra, chấm bài, nhập điểm của giảng viên, tuy nhiên điểm thường xuyên là đánh giá quá trình, cung cấp thông tin phản hồi cho cả người dạy và người học về quá trình giảng dạy và học tập. Việc chỉ tổ chức kiểm tra 1 lần duy nhất/ học phần sẽ không phản ánh đúng ý nghĩa của điểm thường xuyên, hạn chế lớn đối với việc đánh quá trình học tập, tự học và cung cấp thông tin phản hồi về kết quả học tập cho người học.

Về cách tính điểm thường xuyên của giảng viên, 88.9% giảng viên tính điểm trung bình cộng của các lần kiểm tra thường xuyên. 4.2% giảng viên chỉ lấy điểm cao nhất; 4.2% lấy điểm bài kiểm tra cuối cùng; 2.8% giảng viên thực hiện: có bài kiểm tra được lấy điểm, có bài kiểm tra không lấy điểm (Bảng 5). Như vậy, có sự khác biệt trong cách tính điểm thường xuyên của giảng viên.

Với tỷ lệ 13.9% giảng viên không thực hiện phổ biến đáp án, thang điểm, chữa bài sau khi kiểm tra TX; 29.2% Giảng viên không trả bài cho SV sau khi kiểm tra (Bảng 6). Việc phổ biến đáp án, thang điểm, chữa bài và trả bài cho SV sau khi kiểm tra TX có vai trò quan trọng bởi phù hợp với yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá để đảm bảo chất lượng đào tạo: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học [3] và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để

người học cải thiện việc học tập. Việc thông báo công khai tới người học các nội dung liên quan tới KTĐG sẽ đảm bảo tính công khai minh bạch trong kiểm tra đánh giá đồng thời người học sẽ nắm bắt được các thông tin phản hồi về kết quả bài kiểm tra từ đó có điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Do vậy cần có quy định rõ về cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan sau kiểm tra đánh giá làm căn cứ để các giảng viên coi việc thực hiện phổ biến đáp án- thang điểm; trả bài và chữa bài cho sinh viên là khâu bắt buộc sau khi kiểm tra thường xuyên.

Tỷ lệ lớn giảng viên (90.3%) cho rằng việc ban hành quy định đánh giá điểm thường xuyên là cần thiết và rất cần thiết (Bảng 7) với các nội dung cụ thể được đề xuất như: số lần đánh giá điểm TX trong một học phần (76.4%); các hình thức đánh giá điểm TX (66.7%) và cách thức tính kiểm tra thường xuyên (62.5%). Việc ban hành quy định chi tiết, cụ thể làm căn cứ thực hiện thống nhất giữa các giảng viên giảng dạy các học phần, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong kiểm tra đánh giá.

## 2. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đánh giá điểm thường xuyên tại trường đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

### 2.1. Đối với nhà trường

**Thứ nhất:** Bổ sung quy định về đánh giá điểm thường xuyên

Quy định rõ thời gian kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời điểm kiểm tra, cách tính điểm và thời gian trả bài, công bố đáp án và chữa bài kiểm tra thường xuyên qua đó thực hiện tốt yêu cầu kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Sinh viên nắm bắt được các thông tin phản hồi sẽ có phương án phù hợp để điều chỉnh quá trình học tập, đồng thời sinh viên nhận thức rõ mức độ bài làm đạt được so với đáp án, điểm được chấm có phản ánh đúng kết quả làm bài hay không. Điều này đảm bảo tính công bằng khách quan của việc kiểm tra đánh giá.

**Thứ hai:** Nghiệm thu bộ công cụ đánh giá học phần tiến tới xây dựng ngân hàng câu hỏi đánh giá học phần

Hiện nay bộ công cụ đánh giá học phần đã được các khoa/bộ môn biên soạn và nghiệm thu tại cấp khoa/bộ môn. Đây là cơ sở để biên soạn các đề kiểm tra, đề thi kết thúc học phần. Hàng năm nhà trường có tổ chức đánh giá chất lượng đề thi trắc nghiệm khách quan, phân loại độ khó dễ của đề thi thông qua phương pháp nghiên cứu định lượng cho thấy: có 49.7% đề thi trắc

nghiệm có độ khó và độ phân biệt đạt yêu cầu và 43.2% [4] đề thi ở mức độ thấp. Để thực hiện các thao tác loại trừ hoặc thay đổi các câu hỏi chất lượng chưa tốt cần thực hiện nghiệm thu bộ công cụ đánh giá học phần tiến tới xây dựng ngân hàng câu hỏi đánh giá học phần. Ngân hàng câu hỏi là cơ sở đảm bảo tính khách quan công bằng để các giảng viên có thể căn cứ vào ma trận kiến thức của học phần để biên soạn, đề kiểm tra thường xuyên và đề thi kết thúc học phần.

### 2.2. Đối với các khoa/bộ môn

**Thứ nhất:** Xác định các nội dung chi tiết của học phần và các mức độ nhận thức mong muốn SV đạt được liên quan đến các phần nội dung của học phần. Thiết kế ngân hàng câu hỏi của học phần để giảng viên phụ trách môn học xây dựng các đề kiểm tra thường xuyên đảm bảo yêu cầu của kiểm tra, đánh giá.

**Thứ hai:** Thực hiện việc kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế, quy định và triển khai kế hoạch kiểm tra thường xuyên theo đề cương chi tiết để đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện giữa các giảng viên. Theo quy định hiện hành : Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trả bài thi kết thúc học phần [5]. Tuy nhiên, để thực hiện các biện pháp để đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra đánh giá cần tăng cường thực hiện việc kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế, quy định và triển khai kế hoạch kiểm tra thường xuyên theo đề cương chi tiết.

### 2.3. Đối với giảng viên

**Thứ nhất:** Phổ biến công khai tỷ lệ, hình thức đánh giá điểm thường xuyên trong đề cương chi tiết học phần và những nội dung này cần phổ biến tới sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

**Thứ hai:** Thực hiện đánh giá theo các mục tiêu giảng dạy, thể hiện ở năng lực hay hành vi cần đạt được của sinh viên qua quá trình giảng dạy các nội dung cụ thể của học phần. Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong kiểm tra, đánh giá điểm thường xuyên.

**Thứ ba :** Thực hiện tốt việc phản hồi kết quả học tập, công bố đáp án, chữa bài, trả bài, thông báo điểm và giải đáp thắc mắc, khiếu nại của sinh viên.

## V. KẾT LUẬN

Đại đa số giảng viên (98.6%) đã công khai tỷ lệ, hình thức đánh giá điểm thường xuyên trong đề cương chi tiết và

Giảng viên đã sử dụng nhiều hình thức đánh giá điểm thường xuyên, bao gồm: Bài kiểm tra viết 15 phút: 94.4%; kết quả thảo luận nhóm của

sinh viên: 56.9%; trả lời câu hỏi trên lớp: 34.7%; đánh giá kết quả tự học của sinh viên: 23.6%

40.3% giảng viên chỉ thực hiện kiểm tra thường xuyên 1 lần trong một học phần.

Có sự khác biệt trong cách tính điểm thường xuyên của các giảng viên: 88.9%: tính điểm trung bình cộng; 4.2%: lấy điểm cao nhất; 4,2%: lấy điểm bài kiểm tra cuối cùng; 2.8%: lấy điểm ngẫu nhiên;

13.9 giảng viên không phổ biến đáp án, thang điểm, chữa bài sau khi kiểm tra TX; 29.2% giảng viên PTMH không trả bài cho SV sau khi kiểm tra TX;

90.3% giảng viên cho rằng: cần thiết ban hành quy định đánh giá điểm thường xuyên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hội nghị trung ương 8 khóa XI.** Nghị quyết 29
2. **Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT** ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
3. **Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH** ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH
4. **Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.** Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng đề thi trắc nghiệm khách quan học phần học kỳ II năm học 2018 - 2019
5. **Quyết định Số: 17/VBHN-BGDĐT,** ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

## ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI HỆ THỐNG ỐNG TỦY RĂNG HÀM LỚN THỨ NHẤT HÀM TRÊN TRÊN PHIM CONEBEAM CT

Trương Thị Mai Anh\*, Phạm Thị Thu Hiền\*,  
Đỗ Thị Thu Hương\*, Phạm Như Hải\*, Nguyễn Thị Như Trang\*\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định số lượng và hình thái ống tủy của răng hàm lớn thứ nhất hàm trên trên phim Conebeam ở một nhóm người khu vực Hà Nội và lân cận. **Kết quả:** Phim CBCT của 334 bệnh nhân đã được sử dụng. Hầu hết răng hàm lớn thứ nhất hàm trên có (99,55%); 35,78% răng có chân gần ngoài có hệ thống ống tủy phức tạp (vertucci 2-7). Sự khác nhau bên phải và trái không có ý nghĩa thống kê. Chân xa và chân trong chỉ có 1 ống tủy từ lỗ vào ống tủy đến chóp răng. Hình thái chân ngoài gần theo Vertucci I ở nữ là 71,86% cao hơn ở nam (54,97%). Các hình thái khác không có sự khác biệt giữa nam và nữ. Hình thái ống tủy chữ C chiếm 2,99%, trong đó hình thái B1 (1,04%) và C (1,2%), không có sự khác biệt giữa nam và nữ cũng như bên phải và bên trái

**Từ khóa:** ống tủy, nội nha, cone-beam, răng hàm lớn thứ nhất hàm trên.

### SUMMARY

#### MORPHOLOGIC CHARACTERISTICS OF ROOT CANAL SYSTEMS IN FIRST UPPER MOLARS USING CONEBEAM COMPUTER TOMOGRAPHY

**Aims:** identify morphologic characteristics of first upper molar root canal in group of people lived in

Hanoi city and nearby. **Results:** CBCT of 334 patients were used. Most first upper molar have 3 separate roots (99,55%); additional canals were found in 35,78% of the mesiobuccal (MB), no difference between the right and left side. The distal and medial roots have only one canal from the canal entrance to the apex. The global prevalence of C-shaped canal is 2,99%, of which the B1-type accounts for 1,04% and C-type accounts for 1,2%. No difference between male and female,

**Key words:** root canal, endodontic, cone-beam computed tomographic, maxillary first molars

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiểu biết kĩ càng về hình thái học tủy răng là rất quan trọng để thành công trong điều trị nội nha. Do mỗi răng đều có đặc điểm riêng, nên tạo ra một số lượng lớn các biến thể về số lượng và hình thái ống tủy. Những đặc điểm này làm khó khăn trong việc tạo hình, làm sạch và trám bít hệ thống ống tủy ba theo 3 chiều không gian, là tam thức để thành công trong điều trị nội nha.

Mặt khác, sự hiểu biết không chính xác về tính phức tạp của hình thái ống tủy luôn dẫn đến không có phương pháp và cách thức tạo hình ống tủy phù hợp. Các thông số giải phẫu thường được mô tả trong tài liệu là răng hàm trên thứ nhất có 3 chân răng và 3 ống tủy mà không nêu ra được các biến thể có thể gặp cũng như tỷ lệ để các bác sĩ lâm sàng cần trọng khi điều trị tủy cho bệnh nhân, để dẫn tới điều trị sót ống tủy.

Chụp cắt lớp vi tính chùm tia hình nón (CBCT)

\*Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội

\*\*Trường Đại Học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Trương Thị Mai Anh

Email: maianh7290@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.4.2021

Ngày phản biện khoa học: 25.5.2021

Ngày duyệt bài: 11.6.2021